

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2023
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Hoàng;
- Bà Huỳnh Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

Ngày 07/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim Th, sinh năm 1996; nơi cư trú: T4, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A;

Bị đơn: Ông Đoàn Văn M, sinh năm 1988; nơi cư trú: T4, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A;

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim Th trình bày:***

Bà Võ Thị Kim Th và ông Đoàn Văn M tự tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 12/5/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T. Quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, kiếm chuyện xúc phạm bà Th. Bà Th đã nhiều lần khuyên bảo và cho ông M cơ hội nhưng ông M không thay đổi. Nhận thấy không còn tình cảm, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà Th và ông M có 01 con chung tên Đoàn Võ Ngọc H, sinh ngày 17/11/2016. Do hoàn cảnh khó khăn đi làm ăn xa nên bà Th đồng ý giao con chung Đoàn Võ Ngọc H cho ông M nuôi dưỡng và bà Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai ngày 08/02/2023 của bị đơn ông Đoàn Văn M trình bày:*

Tôi và bà Võ Thị Kim Th tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do một thời gian tôi thường sử dụng rượu bia không quan tâm vợ con dẫn đến việc bà Th nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên. Ngày 14/11/2022, tôi và bà Th được Tòa án hoà giải và đoàn tụ chung sống lại với nhau. Đến ngày 22/11/2022 bà Th đã bỏ nhà đi làm Phú Q (thuộc tỉnh K), tôi đã liên lạc với bà Th nhưng không thể hàn gắn. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà Th có 01 con chung tên Đoàn Võ Ngọc H, sinh ngày 17/11/2016. Ông M yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Võ Thị Kim Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Đoàn Văn M; bị đơn có địa chỉ cư trú tại T4, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Võ Thị Kim Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đoàn Văn M vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 12/5/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo Trích lục kết hôn số 328/TLKH-BS ngày 12/5/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An G nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau, nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn chung sống nên bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, thấy rằng việc hàn gắn mâu thuẫn là không thể thực hiện được do hiện tại không còn sống chung và các bên đương sự không có thiện chí và mong muốn đoàn tụ, cùng nhau chăm lo, xây dựng gia đình. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Nguyên đơn bà Võ Thị Kim Th và bị đơn Đoàn Văn M có 01 con chung tên Đoàn Võ Ngọc H, sinh ngày 17/11/2016. Nguyên đơn tự nguyện giao con chung cho ông M nuôi dưỡng, đồng thời bị đơn có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét việc thỏa thuận nuôi con chung của các bên là sự tự nguyện, nên tiếp tục giao con chung Đoàn Võ Ngọc H cho ông Đoàn Văn M nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bị đơn không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[7] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim Th.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim Th được ly hôn ông Đoàn Văn M.

[2] Về con chung: Giao 01 con chung Đoàn Võ Ngọc H, sinh ngày 17/11/2016 cho ông Đoàn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Võ Thị Kim Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đoàn Văn M cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Võ Thị Kim Th việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Kim Th và ông Đoàn Văn M không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Bà Võ Thị Kim Th phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008903 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T. Bà Võ Thị Kim Th đã nộp đủ án phí.

Ông Đoàn Văn M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 12/5/2016 theo Trích lục kết hôn số 328/TLKH-BS ngày 12/5/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[7] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS H. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ